

Bản án số: 157/2021/HSST
Ngày: 21 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhung

Bà Mùa Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị V**

Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày: 01/6/1993 tại tỉnh Đ.

Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12 PT; Con ông: Lò Văn T - sinh năm 1972 và bà: Lò Thị S - sinh năm 1972; Có chồng: Lương Văn D - sinh năm 1990 và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án: không, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 40 phút ngày 07/6/2021, tổ công tác Đội CSĐTTP về kinh tế và ma túy - Công an thành phố Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực thuộc Tổ dân phố X,

phường T, phát hiện Lò Thị V đang đi bộ có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu về trụ sở Công an thành phố Đ để kiểm tra, tại đây V đã tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 gói ngoài bằng mảnh giấy màu trắng có chữ viết màu xanh, tiếp đến là mảnh nilon màu hồng bên trong có 08 viên nén màu hồng trên mặt của mỗi viên có ký hiệu WY. Lò Thị V khai nhận đó là hồng phiến, V mua về để sử dụng cho bản thân.

Quá trình điều tra Lò Thị V khai nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/6/2021 bị cáo bắt taxi đi từ phòng trọ tại Tổ dân phố X, phường T đi đến Bản N, xã T, huyện Đ gặp và mua của một người đàn ông tên N có vợ là T số ma túy bị thu giữ với giá 210.000 đồng. Sau khi mua được ma túy bị cáo cầm ở tay trái của mình đi taxi về phòng trọ của mình tại Tổ dân phố X, phường T thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói ngoài bằng mảnh nilon bên trong có 08 viên nén màu hồng khối lượng 0,79 gam.

Tại bản kết luận giám định số 625/GĐ-PC09 ngày 15/6/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu viên nén màu hồng ký hiệu H gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ ký hiệu H là 0,79 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Hoàn lại đối tượng giám định có biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKSTPĐBP ngày 30/8/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Lò Thị V về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,75 gam Methamphetamine vật chứng còn lại sau giám định và 01 mảnh giấy màu trắng có chữ màu xanh, 01 mảnh nilon màu hồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không bào chữa gì cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 11 giờ 40 phút ngày 07/6/2021 tại khu vực Tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ, Lò Thị V đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,79 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên nhưng do thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên đã sử dụng ma túy, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cho bị cáo có thời gian cai nghiện để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Đối với 0,79 gam Methamphetamine thu giữ của bị cáo, sau khi gửi toàn bộ để giám định còn lại 0,75 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; 01 mảnh giấy màu trắng có

chữ màu xanh, 01 mảnh nilon màu hồng là vật dùng gói ma túy, không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[5]. Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng bị cáo khai bán ma túy. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của người tên Tòng Văn N - sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có vợ là Tòng Thị T. Tuy nhiên Tòng Văn N không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo. Ngoài lời khai của bị cáo Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh việc N bán ma túy cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của N. Cơ quan điều tra và viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý đối với N.

Đối với người lái xe taxi, Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, không đề cập vấn đề xử lý nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Công an thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Công an thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Thị V phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (07/6/2021).

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,75 gam Methamphetamine vật chứng còn lại sau giám định và 01 mảnh giấy màu trắng có chữ màu xanh, 01 mảnh nilon màu hồng (đã niêm phong).

(Vật chứng đã được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/8/2021).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2021).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ